|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.** | **Thông tin học phần** |
|  | **Tên học phần:** | **KẾ TOÁN QUẢN TRỊ****Managerial Accounting** |
|  | **Mã số:** | ACC501 |
|  | **Thời lượng:** | 2 (1,5-0,5) |
|  | **Loại:** | Tự chọn |
|  | **Trình độ đào tạo:** | Thạc sĩ |
|  | **Đáp ứng CĐR:** | 3, 4 |
|  | **Học phần tiên quyết:** | FIB502 |
|  | **Giảng viên biên soạn:** | GVC, TS. Phan Thị Dung, GVC, TS. Nguyễn Thành Cường |
|  | **Bộ môn quản lý:** | Kiểm toán  |

|  |  |
| --- | --- |
| **2.** | **Mô tả** |
|  | Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về kế toán quản trị bao gồm: phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận; lập dự toán ngân sách; tính giá thành; phân tích chi phí; các quyết định về giá; ứng dụng thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định kinh doanh.  |

|  |  |
| --- | --- |
| **3.** | **Mục tiêu** |
|  | Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho học viên kiến thức toàn diện về kế toán quản trị, một công cụ quan trọng làm gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; giúp học viên sử dụng được các công cụ của kế toán quản trị để thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin cho các nhà quản trị nội bộ doanh nghiệp để ra các quyết định liên quan đến đánh giá thành quả của các bộ phận; đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản lý bộ phận; lựa chọn các phương án kinh doanh; xác định giá bán của sản phẩm mới. |

|  |  |
| --- | --- |
| **4.** | **Kết quả học tập mong đợi** |
|  | Sau khi học xong học phần, học viên có thể: |
| 1) | Nắm vững lý thuyết về chi phí, phân tích chi phí, kiểm soát chi phí;  |
| 2) | Tính được giá thành, đọc được các thông tin trên báo cáo sản xuất phục vụ cho quyết định;  |
| 3) | Xây dựng giá bán, Xây dựng định mức lượng và định mức giá, tổng hợp thông tin thích hợp và không thích hợp phục vụ cho ra quyết định quản trị; |
| 4) | Lập dự toán tổng thể, đọc được các dự toán tổng thể; |
| 5) | Phân tích được mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận phục vụ cho nhà quản trị; |
| 6) | Đánh giá các trung tâm trách nhiệm. |

|  |  |
| --- | --- |
| **5.** | **Nội dung** |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nhằm đạt KQHT** | **Số tiết** |
| **LT** | **TH** |
| 11.11.21.3 | **Chi phí và phân loại chi phí** [Những vấn đề chung về kế toán quản trị](#_toc298562211)C[hi phí và phân loại chi phí](#_toc298562217) [Các hình thức thể hiện chi phítrên báo cáo kết quả KD](#_toc298562220) | 1 | 3 | 1 |
| 22.12.22.32.4 | **Phân tích mối quan hệ giữa chi phí - khối lượng –lợi nhuận**[Nội dung của phân tích mối quan hệ CVP](#_toc298562225)[Phân tích điểm hòa vốn (break-even analysis)](#_toc298562228) [Lập kế hoạch tiêu thụ và ln trong phân tích CVP](#_toc298562231)[Đòn bẩy kinh doanh (operating leverage)](#_toc298562234)  | 5 | 2 | 2 |
| 33.13.23.33.43.5 | **Tính giá thành** [Vai trò của công tác tính Zsp và những quan tâm khi thiết kế hệ thống tính giá phí](#_toc298562236)[Đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành](#_toc298562237)[Tập hợp chi phí SX và tính Z theo phương pháp toàn bộ](#_toc298562238)[Tập hợp chi phí và tính Z theo phương pháp trực tiếp](#_toc298562249)[Hệ thống tính giá dựa trên cơ sở hoạt động](#_toc298562251) | 2 | 3 | 1 |
| 44.14.24.34.4 | **Dự toán ngân sách**[Ý nghĩa, nội dung của dự toán tổng thể doanh nghiệp](#_toc298562256)[Dự báo tiêu thụ của doanh nghiệp](#_toc298562259)[Trình tự xây dựng dự toán tổng thể doanh nghiệp](#_toc298562263)[Dự toán linh hoạt](#_toc298562274) | 4 | 3 | 1 |
| 55.15.2 | **Phân tích chi phí** Nhữ[ng vấn đề chung về phân tích chi phí](#_toc298562278)[Phân tích biến động các khoản mục chi phí SX kinh doanh](#_toc298562282) | 1 | 3 | 0 |
| 66.16.26.36.46.56.66.7 | **Định giá sản phẩm**[Lí thuyết vi mô và vai trò của CP trong quyết định giá bán](#_toc298562290)[Phương pháp xác định giá bán hàng loạt](#_toc298562294)[Phương pháp định giá bán SP theo lao động và NVliệu](#_toc298562299)[Định giá SP theo số giờ vận hành MMTB và vật tư sử dụng](#_toc298562304)[Định giá bán sản phẩm mới](#_toc298562305)[Định giá bán trong một số trường hợp đặc biệt](#_toc298562308)[Định giá bán chuyển nhượng](#_toc298562311) | 3 | 3 | 1 |
| 77.17.27.3 | **Đánh giá trách nhiệm quản lý** [Hệ thống kế toán trách nhiệm](#_toc298562317)[Đánh giá thành quả của các trung tâm trách nhiệm](#_toc298562323)[Báo cáo bộ phận](#_toc298562328) | 6 | 2 | 1 |
| 88.18.2 | **Thông tin thích hợp để ra các quyết định kinh doanh**[Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định](#_toc298562333)Ứng dụng thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định | 3 | 2 | 2 |
|  |
| **6.** | **Học liệu** |
| 1) | Trương Bá Thanh (2008) , *Giáo trình Kế toán Quản trị*, Nhà xuất bản giáo dục. |
| 2) | Khoa kế toán- Kiểm toán, Đại Học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Kế toán quản trị,* Nhà xuất bản Thống kê. |
| 3) | Bùi Văn Trường (2010), *Kế toán quản trị*, Nhà xuất bản lao động – Xã hội. |
| 4) | Nguyễn Thị Minh Tâm, *Giáo trình Kế toán quản trị*, Đại Học Quốc gia, Hà Nội. |
| 5) | Charles T. Horngren, Srikant M. Datar, George Foster (2006), *Cost Accounting: A Managerial Emphasis (Twelfth Edition),* Prentice – Hall, Inc.  |
| 6) | Nathan.S.Lavin (1994), *Cost accounting,* Đặng Kim Cương dịch, Nhà xuất bản thống kê.  |

|  |  |
| --- | --- |
| **7.** | **Kiểm tra và Đánh giá** |
| **TT** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | **Nhằm đạt KQHT** | **Trọng số (**%) |
| 1. | Kiểm tra giữa kỳ | 1, 2, 3 | 10 |
| 2. | Bài tập/Bài tập lớn/Tiểu luận/Dự án/Đồ án | 4, 5 | 20 |
| 3. | Thi kết thúc học phần (viết) | 1, 2, 3, 4, 5 | 70 |

|  |
| --- |
| **Giảng viên biên soạn** |
| **Họ và tên** | **Chức danh, học vị** | **Chữ ký** |
| Phan Thị Dung | GVC, Tiến sĩ |  |
| Nguyễn Thành Cường | GVC, Tiến sĩ |  |
| **Ngày cập nhật cuối cùng: 22/02/2015** |